

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2021/TLST/HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh Tăng Văn Pg, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 13, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Y

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Thanh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 11, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y.

- Bà Phạm Thị N, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Y.

- Anh Tăng Văn C, sinh năm 1965

Địa chỉ: tổ 13, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y.

- Anh Hoàng Công D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Y.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 6 năm 2021 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Tăng Văn P

Bị đơn: Chị Hoàng Thị M

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về tình cảm: Anh Tăng Văn P và chị Hoàng Thị M thuận tình ly hôn

* Về con chung: Anh Tăng Văn P và chị Hoàng Thị M không có con chung.

* Về tài sản chung: Anh Tăng Văn P có quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Tường nhà xây và nền nhà lát gạch được xây dựng trong khuôn viên nhà của anh P ở tại tổ 13, thị trấn Y, huyện L, tỉnh Y, trị giá 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Anh P có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho chị Hoàng Thị M 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu đồng). Phần anh P được hưởng 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

* Về nợ chung: Anh Tăng Văn P có nghĩa vụ thanh toán trả những người sau:

- Anh Ngô Thanh H tiền san gạt nền nhà 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng);

- Bà Phạm Thị N tiền vay 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

- Anh Tăng Văn C tiền công thợ xây tường nhà, lát nền nhà 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và tiền cát xây dựng 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

- Anh Hoàng Công D tiền gạch ba vanh 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về án phí:

- Anh Tăng Văn Ph nhận chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí chia tài sản chung, nợ chung 1.172.500 đồng (một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). xác nhận anh Ph đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0008503 ngày 02-3-2021 tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Lục Yên. Anh P còn phải nộp 1.022.500 đồng (một triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Chị Hoàng Thị M nhận chịu án phí chia tài sản 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị M đã nộp 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0008605 ngày 17-5-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên. Chị M được hoàn lại 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Y;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự (06);
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ, TA, QĐ, KT.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Anh